

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ

Tên nghề: Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ

Mã nghề: 50340402

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông và tương đương

Số lượng môn học đào tạo: 48

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Kiến thức.

+ Trang bị kiến thức về Doanh nghiệp, Quản trị doanh nghiệp, pháp luật, kinh tế - xã hội trong việc thực hiện nghiệp vụ quản trị doanh nghiệp;

+ Vận dụng được kiến thức tin học, ngoại ngữ trong công tác quản trị;

+ Xác định được cơ cấu tổ chức bộ máy phù hợp với loại hình doanh nghiệp;

+ Cập nhật được các chính sách phát triển kinh tế xã hội và các chế độ liên quan đến công tác quản trị doanh nghiệp;

+ Có khả năng xác định các phương pháp quản trị phù hợp với từng loại hình doanh nghiệp;

- Kỹ năng.

Học xong chương trình này người học có những khả năng:

+ Xây dựng quy trình sản xuất sản phẩm phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp;

+ Xây dựng hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật;

+ Thiết lập hệ thống tiêu thụ sản phẩm hiệu quả;

+ Lập kế hoạch về sản xuất kinh doanh phù hợp với từng loại hình doanh nghiệp;

+ Phân tích được hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp;

+ Lập được báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp;

+ Cung cấp đầy đủ các thông tin kinh tế về hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị để phục vụ cho yêu cầu lãnh đạo và quản lý kinh tế ở đơn vị và các cơ quan quản lý có liên quan;

+ Tham mưu cho lãnh đạo doanh nghiệp những ý kiến cải tiến công tác quản trị doanh nghiệp phù hợp với từng thời kỳ kinh doanh;

+ Thiết lập mối quan hệ giữa doanh nghiệp với các đối tác;

+ Có khả năng hoạch định chiến lược, kế hoạch kinh doanh, biết tổ chức hoạt động kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp mới quy mô vừa và nhỏ.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức.

+ Có hiểu biết về một số kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp, Pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

+ Có hiểu biết về đường lối phát triển kinh tế của Đảng, thành tựu và định hướng phát triển công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước;

+ Có lòng yêu nước, yêu CNXH, trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng và lợi ích của đất nước;

+ Có đạo đức, yêu nghề và có lương tâm nghề nghiệp;

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp, nghiêm túc, trung thực, cẩn thận, tỷ mỉ, chính xác;

+ Tuân thủ các qui định của luật kế toán, tài chính, chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ được giao;

+ Có tinh thần tự học, tự nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu của công việc.

- Thể chất, quốc phòng.

+ Có đủ sức khỏe để học tập, công tác lâu dài, sẵn sàng phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

+ Hiểu biết một số phương pháp luyện tập và đạt kỹ năng cơ bản một số môn thể dục, thể thao như: Thể dục, Điền kinh, Bóng chuyền;...

+ Có hiểu biết cơ bản về công tác quốc phòng toàn dân, dân quân tự vệ;

+ Có kiến thức và kỹ năng cơ bản về quân sự phổ thông cần thiết của người chiến sĩ, vận dụng được trong công tác bảo vệ trật tự trị an;

+ Có ý thức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm

Tốt nghiệp cao đẳng nghề người học có thể:

+ Làm việc tại các phòng ban trong các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, các tổ chức xã hội;

+ Làm chuyên viên phụ trách hành chính và nhân sự, chuyên viên bán hàng và quản lý khách hàng, chuyên viên quản lý sản xuất, chuyên viên quản lý cung ứng, chuyên viên kinh doanh và tiếp thị, khởi nghiệp doanh nghiệp vừa và nhỏ.

II. THỜI GIAN CỦA KHOÁ HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC

1. Thời gian của khoá học và thời gian thực học

- Thời gian đào tạo: **3 năm**
- Thời gian học tập: **96 tuần**
- Thời gian thực học: **2610 giờ**

2. Phân bổ thời gian thực học:

- Thời gian học các môn chung bắt buộc: **450 giờ**
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: **2160 giờ**

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã MH, MD	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)					
		Tổng số	Số giờ lên lớp				Số giờ tự học
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra	
I.	Các môn học chung	450	450	222	199	29	0
3307111001	Chính trị	90	90	60	24	6	0
3307111005	Pháp luật	30	30	22	6	2	0
3307091130	Giáo dục thể chất 1	30	30	2	26	2	0
3307091131	Giáo dục thể chất 2	30	30	2	26	2	0
3307132003	Giáo dục quốc phòng - An ninh	75	75	59	13	3	0
3307061301	Tin học	75	75	17	54	4	0
3307121122	Anh văn 1	60	60	30	25	5	0
3307121123	Anh văn 2	60	60	30	25	5	0
II.	Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc	2900	1800	828	884	88	1100

II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	605	525	309	182	34	80
3307081035	Pháp luật kinh tế	30	30	15	13	2	0
3307081015	Nguyên lý thống kê	45	45	28	14	3	0
3307081004	Kinh tế vi mô	60	45	28	14	3	15
3307081005	Nguyên lý kế toán	45	45	28	14	3	0
3307081007	Marketing căn bản	45	45	28	14	3	0
3307082121	Toán kinh tế	60	45	28	14	3	15
3307082040	Soạn thảo văn bản	30	30	14	14	2	0
3307081006	Quản trị học	60	45	28	14	3	15
3307083045	Kinh doanh quốc tế	45	45	28	14	3	0
3307082042	Quản trị chất lượng	45	45	28	14	3	0
3307082036	Hành vi tổ chức	80	45	28	14	3	35
3307062903	Tin học ứng dụng trong kinh doanh	60	60	28	29	3	0
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	2295	1275	519	702	54	1020
3307082018	Ngoại ngữ chuyên ngành 1	45	45	28	14	3	0
3307083024	Ngoại ngữ chuyên ngành 2	45	45	28	14	3	0
3307083043	Quản trị Marketing	60	45	28	14	3	15
3307083027	Quản trị chuỗi cung ứng	60	45	28	14	3	15
3307082037	Thống kê doanh nghiệp	60	45	28	14	3	15
3307082203	Tài chính doanh nghiệp	90	45	28	14	3	45
3307082115	Tài chính tín dụng	60	45	28	14	3	15
3307081034	Tâm lý kinh doanh	45	45	28	14	3	0
3107081033	Kinh tế thương mại và dịch vụ	60	45	28	14	3	15

3307083020	Quản trị dự án và đầu tư	75	45	28	14	3	30
3307082041	Hệ thống thông tin quản lý	45	45	28	14	3	0
3307082104	Kế toán doanh nghiệp	75	60	43	14	3	15
3307083101	Phân tích hoạt động kinh doanh	60	45	28	14	3	15
3307082017	Quản trị văn phòng	45	45	28	14	3	0
3307083028	Quản trị nhân lực	90	45	28	14	3	45
3307082022	Quản trị kinh doanh và tác nghiệp	90	45	28	14	3	45
3307082038	Quản trị doanh nghiệp	120	45	28	14	3	75
3307083044	Chiến lược và kế hoạch kinh doanh	120	45	28	14	3	75
3307083090	Thực hành nghề nghiệp	410	150		150		260
3307083091	Thực tập tốt nghiệp	640	300		300		340
Tổng cộng		3350	2250	1050	1083	117	1100

IV. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO TỰ CHỌN, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	Tên môn học	Thời gian đào tạo (giờ)					
		Tổng số	Số giờ lên lớp				Số giờ tự học
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra	
3307091011	Toán cao cấp	60	45	28	14	3	15
3307062902	Tin học văn phòng	80	45	28	14	3	35
3307081032	Kinh tế vĩ mô	60	45	28	14	3	15
3307082116	Thị trường tài chính	80	45	28	14	3	35
3307083117	Tài chính quốc tế	60	45	28	14	3	15

3307083021	Nghiệp vụ thanh toán quốc tế	60	45	28	14	3	15
3307083016	Quản trị tài chính doanh nghiệp	90	45	28	14	3	45
3307082039	Tổ chức lao động khoa học	90	45	28	14	3	45
Tổng cộng		580	360	224	112	24	220

V. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

TT	Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số giờ lên lớp	Số giờ tự học	Tổng số	Ghi chú
Học kỳ 1			435	45	480	
Môn học, mô đun bắt buộc			390	30	420	
1	3307111001	Chính trị	90	0	90	
2	3307091130	Giáo dục thể chất 1	30	0	30	
3	3307061301	Tin học	75	0	75	
4	3307121122	Anh văn 1	60	0	60	
5	3307081006	Quản trị học	45	15	60	
6	3307081034	Tâm lý kinh doanh	45	0	45	
7	3107081033	Kinh tế thương mại và dịch vụ	45	15	60	
Môn học, mô đun tự chọn			45	15	60	
8	3307091011	Toán cao cấp	45	15	60	
Học kỳ 2			420	65	485	
Môn học, mô đun bắt buộc			330	15	345	
1	3307091131	Giáo dục thể chất 2	30	0	30	
2	3307121123	Anh văn 2	60	0	60	
3	3307111005	Pháp luật	30	0	30	
4	3307081035	Pháp luật kinh tế	30	0	30	
5	3307081015	Nguyên lý thống kê	45	0	45	
6	3307081005	Nguyên lý kế toán	45	0	45	
7	3307081004	Kinh tế vi mô	45	15	60	
8	3307081007	Marketing căn bản	45	0	45	
Môn học, mô đun tự chọn			90	50	140	

9	3307081032	Kinh tế vĩ mô	45	15	60	
10	3307062902	Tin học văn phòng	45	35	80	
Học kỳ 3			450	200	650	
Môn học, mô đun bắt buộc			405	155	560	
1	3307132003	Giáo dục quốc phòng - An ninh	75	0	75	
2	3307082121	Toán kinh tế	45	15	60	
3	3307082040	Soạn thảo văn bản	30	0	30	
4	3307082036	Hành vi tổ chức	45	35	80	
5	3307062903	Tin học ứng dụng trong kinh doanh	60	0	60	
6	3307082037	Thống kê doanh nghiệp	45	15	60	
7	3307082038	Quản trị doanh nghiệp	45	75	120	
8	3307082104	Kế toán doanh nghiệp	60	15	75	
Môn học, mô đun tự chọn			45	45	90	
9	3307082039	Tổ chức lao động khoa học	45	45	90	
Học kỳ 4			405	155	560	
Môn học, mô đun bắt buộc			315	105	420	
1	3307082203	Tài chính doanh nghiệp	45	45	90	
2	3307082018	Ngoại ngữ chuyên ngành 1	45	0	45	
3	3307082017	Quản trị văn phòng	45	0	45	
4	3307082115	Tài chính tín dụng	45	15	60	
5	3307082022	Quản trị kinh doanh và tác nghiệp	45	45	90	
6	3307082041	Hệ thống thông tin quản lý	45	0	45	
7	3307082042	Quản trị chất lượng	45	0	45	
Môn học, mô đun tự chọn			90	50	140	
8	3307083021	Nghị vụ thanh toán quốc tế	45	15	60	
9	3307082116	Thị trường tài chính	45	35	80	

Học kỳ 5			405	255	660	
Môn học, mô đun bắt buộc			315	195	510	
1	3307083043	Quản trị Marketing	45	15	60	
2	3307083027	Quản trị chuỗi cung ứng	45	15	60	
3	3307083101	Phân tích hoạt động kinh doanh	45	15	60	
4	3307083024	Ngoại ngữ chuyên ngành 2	45	0	45	
5	3307083028	Quản trị nhân lực	45	45	90	
6	3307083044	Chiến lược và kế hoạch kinh doanh	45	75	120	
7	3307083020	Quản trị dự án đầu tư	45	30	75	
Môn học, mô đun tự chọn			90	60	150	
8	3307083016	Quản trị tài chính doanh nghiệp	45	45	90	
9	3307083117	Tài chính quốc tế	45	15	60	
Học kỳ 6			495	600	1095	
Môn học, mô đun bắt buộc			495	600	1095	
1	3307083045	Kinh doanh quốc tế	45	0	45	
2	3307083090	Thực hành nghề nghiệp	150	260	410	
3	3307083091	Thực tập tốt nghiệp	300	340	640	
Môn học, mô đun tự chọn			0	0	0	
Tổng cộng toàn khóa :			2610	1320	3930	

VI. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, TỰ CHỌN

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

VI. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

- Sinh viên phải đạt yêu cầu tất cả các môn học trong chương trình sẽ được dự thi tốt nghiệp để được cấp bằng Cao đẳng nghề.
- Các môn thi tốt nghiệp:

- + Chính trị: Theo qui định hiện hành;
- + Lý thuyết nghề: Các kiến thức trọng tâm về: Chiến lược kinh doanh, quản trị doanh nghiệp, quản trị nhân lực ...;
- + Thực hành nghề: Các kỹ năng về: Lập kế hoạch lao động tiền lương, sản xuất kinh doanh....
- Thời gian làm bài thi, cách thức tiến hành, điều kiện công nhận tốt nghiệp theo qui định hiện hành.

TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Tự luận	120 phút
2	Kiến thức, kỹ năng nghề		
	Lý thuyết nghề	Tự luận	120 phút
	Thực hành nghề	Bài thi thực hành	Tùy theo bài tập thực hành, khoa xây dựng kế hoạch cụ thể

2. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khoá.

- Nhằm mục đích giáo dục toàn diện để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, trường có thể bố trí tham quan, học tập dã ngoại tại một số doanh nghiệp hoặc cơ sở sản xuất kinh doanh phù hợp với nghề đào tạo thích hợp;

- Thời gian cho hoạt động ngoại khoá được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá vào thời điểm thích hợp.

3. Các chú ý khác.

Chương trình môn chung thực hiện theo chương trình của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 10 năm 2015

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc